

# VĂN CÚ DIỆU PHÁP LIÊN HOA

## QUYỂN 6

(Phần Thượng)

Phần thứ hai: Kệ có một trăm sáu mươi lăm hàng, chia làm hai phần: Phần một: một trăm hàng, tụng phần trường hàng bên trên. Phần hai: sáu mươi lăm hàng, nêu phương pháp lưu thông kinh.

**I. Văn trường hàng** trên có khai thí hợp thí, kệ tụng cũng có hai: 1. Sáu mươi lăm hàng rưỡi, tụng khai khí; 2. Ba mươi bốn hàng rưỡi, tụng hợp thí. Sáu mươi lăm hàng rưỡi cũng chia hai:

1. Ba mươi ba hàng kệ, tụng Tổng thí.

2. Ba mươi hai hàng rưỡi, tụng Biệt thí.

Tụng Tổng thí có sáu ý, trong sáu ý chỉ tụng bốn ý mà bao gồm hai ý kia. Tụng nhà thì bao gồm ý chỉ có một cửa. Tụng năm trăm người thì bao gồm ý ba mươi người con.

Một câu đầu nêu trưởng giả, tức tụng vị hiệu trên, tức gồm cả danh hạnh tán thán đức, đã có đức của người lớn, tức biết danh hạnh vang khắp, được mọi người trong nước tôn kính, cũng biết đức độ tuổi tác trong ngoài đều cao, trong hợp với Bà-già-bà (Phật), tức vị hiệu, tự biết đầy đủ Trí đức Đoạn đức, từ bi vạn đức.

“Có một một nhà rất lớn”... trở xuống, ba hàng và một câu, là tụng dụ thứ hai bên trên nói về nhà, chia làm hai: Một câu đầu tụng nhà rộng lớn. “Nhà đó đã lâu, cũ” xuống ba hàng là rộng nêu ra thể của nhà nêu rõ tướng nhà chấy, cho nên biết đây là thể của nhà. Ba cõi từ vô thủy là “lâu”, chẳng phải nay mới tạo, gọi là “cũ”. Vô thường thấp kém, gọi là “xấu xa”. Cũng nói đầu, bụng, lưng là “phòng, nhà”. Niệm niệm tương tục vô thường gọi là “cao, nguy”. Có người nói Sắc giới là “phòng”, Dục giới là “nhà”. Không tránh khỏi rơi xuống gọi là “cao, nguy”. Mạng căn chống đỡ giữ gìn, như “gốc cột”. Quá khứ hành nghiệp là “nền móng”. Cũng nói: hai chân là “gốc cột”, ba tướng biến đổi là “gãy mục”, ý thức ràng buộc dụ như “trính xuyên”, các khổ hủy hoại như bị “xiêu vẹo”. Cũng nói xương sống là “trính xuyên”, mạch máu là “nền móng”, khi

suy yếu già cả là “nát rã”. “Vách phen”, có người nói bốn đại là “vách phen”, lớp da bọc ngoài là “đất bùn”. Bốn oai nghi bất chính là “sụp đổ”. Năm thức không thông minh, không làm chủ cảnh, là “rời khớp”. Cũng nói “vách phen sụp đổ” như lớp da nứt nẻ, mục nát, sắc trắng kiện tốt đẹp sạch sẽ ví như đất bùn còn ướt, già cả ví như bùn khô rơi lả tả, râu tóc già suy thì đều rơi rụng, như “tranh lợ sa tán loạn”, gân cốt già yếu chi tiết không níu kéo được ví như “kèo đòn tay rời khớp, bốn bề đều cong vẹo (Chuyên lữ sai thoát, Chu chướng khuất khúc)”. Ấn sư nói: Ba mươi sáu vật không hợp nhau làm chướng ngại cho nên nói “chu chướng”, ruột già, ruột non chẳng chịt uốn khúc nên nói “khuất khúc”. Chẳng những vô thường biến đổi mà cũng có bất tịnh khổ... cho nên nói “tạp uế đầy khắp”. Nay nói “chu chướng” là sáu thức, “khuất khúc” là sáu căn. Sáu thức duyên sáu căn chấp cảnh, khó khăn nguy hiểm cho nên nói “khuất khúc”. Sáu trần nhiễm sáu căn, cho nên nói “khắp đầy những tạp dơ”. Nhân duyên, Quán tâm hai phen giải thích.

Nửa hàng kệ nói: “Có đến năm trăm người” trở xuống, tụng ý thứ ba của thí dụ trên: “Năm trăm người”. Căn tánh Tam thừa là năm đường sở nhiếp, bao gồm dụ ba mươi người con.

Từ “Chim sí hiêu” trở xuống, có hai mươi chín hàng kệ, chính tụng ý thứ năm của thí dụ trên: lửa bốc cháy.

- Đây lại chia làm bốn phần:

1. Hai mươi hai hàng kệ, nêu việc trên đất, dụ cho cõi Dục bốc lửa.
2. Ba hàng rưỡi, nêu việc trong hang huyết, dụ cho cõi Sắc bốc lửa.
3. Hai hàng rưỡi, nêu việc trên không, dụ cho cõi Vô sắc bốc lửa.
4. Một hàng kệ, tổng kết nhiều nạn không phải một.

- Đây nói cõi Dục bốc lửa, lại chia làm bốn:

1. Mười bảy hàng rưỡi, nêu loại bị thiêu, dụ mười sử của chúng sinh.

2. Một hàng kệ, nêu nguyên do lửa bốc cháy, dụ nguyên do sinh khởi ngũ trước.

3. Hai hàng, chính nêu sức mạnh của lửa bốc cháy, dụ chánh khởi ngũ trước.

4. Một hàng rưỡi, nêu tướng bị cháy, dụ cho thọ bát khổ ngũ trước.

- Mười bảy hàng rưỡi ấy lại chia làm hai:

a. Mười sáu hàng đầu, chính nêu cảnh bị cháy.

b. Một hàng rưỡi tiếp, tổng kết.

- Mười sáu hàng tụng cảnh bị cháy lại có hai:

Sáu hàng nêu cảm thú bị thiêu, dụ năm độn sử của chúng sinh

Mười hàng tiếp nêu rõ quỷ thần bị thiêu, dụ năm lợi sử của chúng sinh.

- Năm độn sử chia làm hai:

1. Năm hàng rưỡi, nêu năm độn sử.

2. Nửa hàng, tổng kết

- Đây là phần đầu, năm độn sử chia làm năm:

1. Nửa hàng đầu, dụ Mạn sử, chúng sinh tự nâng mình khinh người, như tánh của chim chích trên cao nhìn xuống. Tám loại chim dụ cho tám mạn. Kinh Văn-thù Vấn nêu rõ tám kiêu, nay dùng phối hợp với tám loại chim. Mạnh mẽ kiêu ngạo như chim “Sĩ”, tánh kiêu ngạo như chim “hiêu”, giàu có kiêu ngạo như “điều”, tự tại kiêu ngạo như “thứu”, thọ mạng kiêu căng như chim “quạ”, thông minh kiêu ngạo như “chim thước”, hành thiện kiêu cần như chim “cưu”, sắc đẹp kiêu căng như chim “cáp”. Xâm lấn hiếp người khác là kiêu, tự tôn quý mình là kiêu, tự yêu mình là tham, ái người khác là dâm, tự phần hận là nhuế, phần hận người khác là sân, tự mê hoặc là ngu, mê hoặc người là si...

2. Nửa hàng tiếp, từ: “Loài ngoan xà...” dụ cho Sân sử. Sân có ba: Rắn “Ngoan” có độc mạnh, không xúc chạm mà phun độc, dụ cho phi lý sinh sân, loài “phúc yết (bọ cạp)”, xúc chạm thì chích nọc độc ngay dụ cho chấp lý mà sân. Loài “ngô công (rít)” dụ cho hý luận sân. Người đời nói loại có cổ màu đỏ thì gọi là “ngô công”, cổ không đỏ thì gọi là “du diên”.

3. Hai hàng tiếp, từ: “Loài thủ cung”... trở xuống, dụ cho Si sử. Si có tự mình khởi, tương ứng khởi. “Loài thủ cung” có một trăm chân, ngu si, dụ cho Độc đầu vô minh. “Vượn, chồn và chuột” dụ cho Tương ứng vô minh. “Các loài độc trùng dữ” do từ căn bản si sinh khởi các kết, nêu các sử tương duyên, hoặc duyên tam giới như “ngang dọc xen”, khởi lên nhanh chóng như “ruồi chạy”. “Chỗ phân tiểu” trở xuống, một hàng nêu cảnh tâm si chấp đắm, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, do si mê không hiểu biết nên ở trong đó mà chấp là tịnh v.v... sinh nhiễm đắm cho nên gọi là “Các loài trùng khương lang, bu nhóm ở trên đó”.(Khương lang là con bọ hung).

4. Hai hàng tiếp: “Cáo, sói ...” nêu rõ Tham sử. Tham có hai loại:

a. Hữu lực (có sức): là dùng uy thế đoạt lấy như loài “cáo sói”.

b. Vô lực: chỉ có thể theo người khác để cầu xin những thứ bỏ xấu,

như loài “dã can”.

“Gặm nhấm” là nêu tham chấp cảnh, dẫn vật hưởng về mình, ví như “gặm nhấm”. Không dùng đạo lý, ví như “dày đập”. Tham tâm chấp cảnh, hoặc chấp một thành, hoặc chấp một nước, kia có bờ ruộng, ví như “cẩn xé”. Cũng nói tham tâm chấp cảnh có dụng không dụng, có dụng nên chấp, ví như “gặm nhấm”, không dụng mà chấp, ví như “dày đập”. Lại, ít thì “gặm nhấm”, nhiều thì “dày đập”. “Xương thit bữa bãi ra” là tích tụ ngũ trần không biết dừng đủ. “Do đó mà bầy chó đua nhau đến ngoạm lấy”, đây là tham có sức. “Ngoạm lấy không có sức” là dụ cho giặc vua. “Ốm đói và sợ sệt”: thường không biết đủ, ví như “đói”; cầu mà không được, ví như “ốm”; mưu tính đủ thứ tìm kiếm, ví như “sợ sệt”. Nên nói: người tham muốn nhiều thì dù giàu mà nghèo vậy. Ái tâm tham, tham “thịt” ngũ trần. Kiến tâm tham, tham “xương” đạo lý. Tìm cầu tri kiến cho nên nhiều sở giải, tức là “nhiều xương” nên bầy chó đua nhau đến ngoạm lấy xương kia. Các kiến giải trong tâm thì chưa ăn được chánh pháp, gọi là “đói”. Không thể hàng phục đoạn kiến, gọi là “ốm”. Ở khắp nơi tìm cầu sự giải thoát, gọi là “sợ sệt”. Có người nói: “Ốm đói và sợ sệt” là dụ cho người tham hay mong cầu nhớ tưởng hy vọng trông mong.

5. Từ “Giành giựt cấu xé nhau” trở xuống, hai câu dụ do Nghi sử. Do dự hai bên, gọi là nghi. Chưa quyết định phải trái, gọi là “giành giựt”; ý cho là đúng, gọi là “cấu”; lại cho là sai, thì gọi là “xé”. “Gầm gừ gào sủa rân”, là phát ra lời nói quyết định lý phải trái. Hai câu tiếp theo: “Nhà đó sợ đáng sợ...” là tổng kết ngũ độn sử bên trên.

Từ “Khắp chỗ đều có những” trở xuống, mười hàng nêu Ngũ lợi sử, chia làm hai: Nửa hàng đầu, tổng nêu lợi sử. Lợi sử duyên khắp năm ấm Tứ đế, cho nên nói khắp mọi nơi đều có. Quý thần thì có thần thông có trí, loài cầm thú thì không, cho nên dùng “lợi sử” dụ cho “quý thần”, “độn sử” dụ cho “cầm thú”.

- Chín hàng rưỡi tiếp, nêu chi tiết năm lợi sử chia làm năm:

1. Ba hàng đầu nêu “Dạ-xoa” là Tiệp-tật quý, ví như tà kiến bác không nhân quả. Người là quả báo thiện, ví như nhân quả xuất thế, không xen lẫn phiền não. Vì chúng bác không nhân quả, tức như ăn thịt người. “Các loài trùng độc dữ” là ác báo, như nhân quả thế gian xen lẫn các phiền não, bác bỏ không có lý này thì như ăn nuốt các loài độc dữ. “Ấp, cho bú sản sinh” là pháp thế gian, từ nhân tự loại mà sinh quả tự loại. “Đều tự giấu, giữ gìn” tức nhân năng có quả gọi là cất “giấu”;

chắc được không mất, gọi là “giữ gìn”. Lại, ăn thịt người là thiện độc, trùng độc là ác. Tâm tà kiến bác bỏ không có nhân quả thiện ác, ví như việc nuốt ăn. “Áp, cho bú sản sinh” là tổng nói thiện ác đều có cái dụng của nhân quả tương sinh. “Ăn đó no nê rồi” là kiến tâm thành tựu. “Tâm hung dữ thêm hằng”, tà kiến tăng rộng. “Tiếng mắng đánh chửi nhau”, là trong tâm thành tựu, bên ngoài hiện rõ ngôn giáo tức là tuyên bày pháp không nhân không quả, có thể khiến cho người nghe đọa lạc ba đường, cho nên nói “rất đáng sợ”.

2. Hai hàng rười tiếp từ: “Những quỷ Cưu-bàn-trà” trở xuống dụ do Giới thủ. Cưu-bàn-trà là quỷ thắng, ví như hữu lậu thiện năng thắng các độc trùng. “Ngồi xồm trên đồng đất” là tu thập thiện giới năng sinh cõi trời Lục dục, là chỗ cao của Dục giới. Sự như “trên đồng đất”. Lại, ngoại đạo trì giới năng tu thiền định, ban đầu đắc định Dục giới hoặc đắc định vị lai, định vị lai chưa thoát khỏi Dục giới. Trên đỉnh Dục giới ví như “trên đồng đất”. “Hoặc cách đất một thước hai thước”, đắc định Sắc giới như “cách đất một thước”, đắc định Vô sắc giới như “cách đất hai thước”. Đắc lên các cõi trên, gọi là “đi qua (vãng)”, thoái lui rơi xuống gọi là “đi lại (phản)”. Khởi lên các Kiến chấp, che lấp tâm thanh tịnh, ví như “Buông lung cùng chơi giỡn, nắm hai chân của chó”. Có người nói: hủy báng không có nhân khổ, ví như “nắm lấy hai chân của chó”; Bác không có quả khổ, ví như “lấy chân đạp lên cổ”. Tập nhân xưa trở quả, ví như “âm thanh chó”. Lợi kiến bác bỏ, nói lý “không tập nhân, không đắc quả khổ”, ví như “Đánh cho la thất thanh”.

Giải thích theo Quán tâm: tu hành sáu quán hàng phục tâm tham. Tham không hành tựa như bị đoạn mất âm thanh(thất thanh), “chó” là dục tham, “hai chân” là giác quán. Giác quán qua lại thường ở nơi cảnh tham. Quán số tức, nghĩa là đình chỉ tâm năng trói buộc, là nắm được giác quán. Lại “đánh” là giác tham, nếu mạnh thì hướng đến cảnh bất tịnh, cho nên quán bất tịnh để hàng phục tham giác. Tham giác bề gãy hàng phục, ví như chó bị đánh vì vậy “la thất thanh”. Lại, nói quán bất tịnh ví như “đánh chó”, có thể sinh thiền định như chó bị “đánh cho la thất thanh”. “Đề chân lên cổ” như chó bị đánh mà còn vùng vẫy không phục, nên đề thêm chân. Cũng vậy, tham tuy dùng quán bất tịnh để đình chỉ, nhưng tham vẫn còn vẫn chưa tĩnh, lại dùng quán vô thường ví như “chân” để đề lên cổ, “cổ” dụ cho chấp thường, thì sinh sợ hãi thì tham giác không khởi. Lại nói: một khi hướng về chế phục tâm, ví như hướng xuống đất mà “đánh”. Thường buộc tại duyên, ví như “chân đề lên cổ”, khiến không khởi được. “Làm chó sợ để tự vui”, là do tu vô

thường giác ngộ tham tâm, ví như “làm chó sợ”, do vậy đắc thiên vị, gọi là “tự vui”.

3. Một hàng rưỡi, từ “Thân nó rất cao lớn” trở xuống, dụ cho Thân kiến. Theo chiều dọc, đời chấp ngã cả ba đời, gọi là “trưởng” (cao), theo chiều ngang chấp ngã khắp ngũ ấm, gọi là “đại” (lớn). Chấp ngã tự tại, không tu thiện pháp, tức không biết tầm quý cho nên nói “loã hình”. Dùng pháp ác để trang nghiêm, cho nên nói “hắc” (đen), không nuôi dưỡng công đức, cho nên nói “sấu” (xấu xí). Người chấp ngã thì không ra khỏi ba cõi, cho nên nói “thường trụ ở trong đó”. Chấp ngã tại tâm, phát ra lời nói có ngã tướng, cho nên gọi là: “rền tiếng hung ác lớn”. Hy vọng do nói như thế mà đắc đạo quả, cho nên nói “kêu la tìm món ăn”.

4. Nửa hàng, từ “Lại có các giống quỷ” trở xuống, dụ cho Kiến thủ. Cổ rất nhỏ tưởng chừng nguy hiểm đến sinh mạng mà vẫn bảo đảm thọ mạng, phi tướng vô thường mà chấp Niết-bàn, cho nên nói “cổ nhỏ bằng kim”.

5. Hai hàng tiếp, từ “Lại có các giống quỷ, Đầu nó như đầu trâu” trở xuống, dụ cho Biên kiến, suy tìm ngã đoạn thường. Nhị biên đoạn thường như đầu trâu có hai sừng, vì thân là Ngã, hay Ngã là thân, dựa vào Ngã kiến khởi biên kiến, ví như đầu có hai sừng. Lỗi chấp đoạn thường, năng đoạn thiện xuất thế, ví như “ăn thịt người”; hay đoạn thiện căn thế gian, cho nên nói “hoặc lại ăn thịt chó”. Hoặc có khi chấp thường, hoặc lại chấp đoạn, trước sau xoay chuyển, ví như “đầu tóc rối tung lên”. Chấp thường tức phá đoạn, chấp đoạn tức phá thường, ví như “Rất tàn ác hung hiểm”. Không có trí, định, ví như không có thức ăn thức uống để tự nuôi sống, nên nói “Bị đói khát bức ngặt”.

Một hàng rưỡi sau, từ “Dạ-xoa cùng quỷ đói” trở xuống, tổng kết tướng phiền não cõi Dục giới, cũng là tổng kết tướng lợi độn của chúng sinh. Đầu là tâm hữu lậu, thường không có đạo vị, cho nên nói “Đói gấp rảo bốn bề”. “Rình xem nơi cửa sổ” là tà quán lý “Không”, ngưỡng mộ đạo vị tuy lại quán sát mà tâm đắm chìm, phần nhiều không hiểu lý chánh, như dòm cửa sổ thấy Không, không thể được vô ngại.

Từ “Nhà cũ mục trên đó, thuộc ở nơi một người” trở xuống, một hàng kê nêu nguyên do không bị cháy. Tam Giới là chỗ của Phật hóa ứng, phát tâm rồi lại thệ nguyện độ thoát, cho nên nói “thuộc ở nơi một người”. Trưởng giả ở nhà hay khiến cẩn thận lửa, do ông đi ra khỏi nhà rồi, về sau các con không biết cho nên khiến lửa bốc cháy. Bên trong hợp với nguyên do chính, là vào thời đức Phật Đại Thông Như

Lại thường giáo hóa những người ấy, khiến cho hàng phược chúng sinh thời ngũ trước. Tuy cảm tận hết Như Lai dạy bảo, nhưng bỏ, nên những người này sau bèn khởi ngũ trước. Phật đến cõi khác hóa duyên, chẳng phải vĩnh viễn bỏ đi, cho nên nói “vừa mới ra”. Lại nói, từ khi đắc Vô sinh rồi thì không còn sinh trong tam giới, cho nên nói “ra”, không lâu lại đến cho nên nói “vừa mới”. Phẩm Thọ Lượng nói: “thường hiện Niết-bàn”, tức là ý nói “ra khỏi nhà”.

Từ “Rồi sau nhà cửa đó” trở xuống, hai hàng chính nêu rõ sức mạnh của lửa bốc cháy. “Bốn mặt”, tức là ở nơi “thân, thọ, tâm, pháp” đặng khởi Tứ đảo ngũ trước bát khổ, cho nên nói “nhất thời”. Liên tục tăng dần, gọi là “hừng hực”. Mạng căn đoạn, gọi là “nổ”, gió như dao “chẻ tách thân thể ra”(liệt). Lại nói, tiếng kêu la rên rĩ thương xót gọi là “tiếng nổ”. Hơi thở đứt đoạn, gân cốt chia lìa, như “nát gãy rơi rớt xuống”, tứ đại rã tan như “tường vách đều sụp đổ”.

Từ “Các loại quỷ thần thấy” trở xuống, một hàng rườì, nêu tướng bị thiêu. Hoặc nói thân thuộc là “quỷ thần”, khốc lóc là “tiếng kêu to”, nay theo lệ như trên dùng “lợi sử” để dụ cho “quỷ thần”. Người lợi sử hoặc chấp đoạn hoặc chấp thường. Nếu chấp thường, thì cho rằng pháp nhất định không; đã có rồi lại không, thì không tức là thường. Người chấp đoạn thì cho rằng pháp nhất định đoạn, chỉ có một đời này chết rồi thì không còn tiếp nối. Cả hai đều xướng lên định thuyết, thì việc kia đã hiển bày, cho nên nói: “đồng cất tiếng kêu to”. Nếu là độn sử và các giới thủ, thì vốn không chấp đoạn, nay thấy vô thường chỉ sinh nghi sợ, không biết phương pháp xuất ly cho nên nói “Kinh sợ chạy sảng sốt, vẫn không tự ra đặng”.

Từ “Loài thú dữ độc trùng” trở xuống, ba hàng rườì, nêu việc trong hang, dụ cho cõi Sắc giới bốc lửa. Các bộ giải nghĩa sân chung cả ba cõi, tức văn này vậy. Văn chia làm bốn phần:

1. Một hàng đầu, nêu loại bị thiêu. Định tứ thiền dụ như “lỗ hang”, dù không sánh bằng ngoài cửa mở rộng nhưng cũng còn có thể thoát khỏi lửa dữ, vào trong thiền định này cũng có thể thoát khỏi thô ác của Dục giới. Chúng sinh lợi sử cũng đắc thiền định này, như “quỷ Tỳ-xá-xà” cũng có ở trong đó.

2. “Vi phước đức kém vậy”, một câu, nêu nguyên do lửa bốc cháy, do phước ít nên gần ác gặp khổ.

3. “Bị lửa đến đốt bức”, một câu, nêu thế mạnh của lửa cháy, trong lỗ hang tuy không có lửa dữ nhưng vẫn bị hơi nóng bức nã, tứ thiền tuy không có ác Dục giới nhưng cũng có vị ái và khổ vi tế, cho nên



nói “Bị lửa đến đốt bức”.

4. Từ “Cùng tàn hại lẫn nhau” trở xuống, hai hàng nêu tướng bị thiêu đốt, nêu lợi độn lẫn đoạt lẫn nhau. Các sử chúng sinh đặc thiên thì đồng, nhưng sở chấp thì khác, khác cho nên xen lẫn phải trái, nên nói “tàn hại lẫn nhau”. Đã ở trong thiên khởi các kiến thì không thể phát sinh định tuệ vô lậu, chỉ chấp nơi sự im lặng, nên ví như “uống máu”, lại đấm năm chi, cho nên ví như “ăn thịt”. “Loài thú dã can” là tham ở Dục giới, định vị lai đã đoạn cho nên nói “đều đã chết trước”, cũng gọi là “ăn nuốt”. Tham thiên định như “đại ác thú” năng “nuốt” tham ở Dục giới. Tứ đảo, bát khổ ở Dục giới, ví như lửa dữ. Tứ đảo, các khổ ở Sắc giới, ví như “khói tanh”, cũng chung cả thân, thọ, tâm, pháp, tứ đại da thịt... cho nên nói “phủ bít khắp bốn bề”.

Từ “Loài ngô công, du diên” trở xuống, hai hàng rươi, nêu Sự trong Không, dụ cho cõi Vô sắc lửa bốc cháy, chia làm hai phần:

1. Một hàng, nêu rõ loại bị thiêu.

2. Một hàng rươi, nêu tướng bị thiêu.

Nhàm chán định cõi Sắc, vượt thoát hướng đến Vô sắc. Chán cảnh thô cõi Sắc, quán pháp Vô sắc, ví như loài rắn độc bị lửa cháy chạy ra khỏi hang. Như vậy, tức là sân chung cả ba cõi. Nếu đặc định Vô sắc, thì diệt các duyên thấp ở dưới, cho nên nói “liền bắt lấy mà ăn”. Nơi cõi trời Phi tưởng tối cao còn không thể tránh khỏi các khổ điên đảo, ví như “trên đầu lửa bốc cháy”. Cõi Phi tưởng cũng có lửa bát khổ, tâm sinh niệm sai khác, gọi là Sinh khổ, niệm niệm không dừng, gọi là Lão khổ; tâm hành nhiễu loạn làm ngăn ngại định, gọi là Bệnh khổ, thoái lui định, gọi là Tử khổ, cầu định không được, gọi là Cầu bất đắc khổ, cầu định không được ắt có chướng, tức Oán tắng hội khổ, tâm bốn ấm, tức ngũ ấm xí thanh khổ. Không thể liền đoạn hạt giống cõi Hữu-đánh, cho nên “trên đầu lửa bốc cháy”, không có vô lậu cho nên “đói khát rất nóng khổ”. Do luân hồi bao phủ sâu muện, nên “sảng sốt chạy quàng lên”.

Từ “Nhà lửa đó như vậy” trở xuống, một hàng, tổng kết tam giới nhiều nạn chẳng phải một.

Tụng tổng thí dụ đã xong.

Từ “Lúc bấy giờ chủ nhà đứng ở nơi ngoài cửa” trở xuống, ba mươi hai hàng rươi kệ, tụng Biệt thí. Biệt thí có bốn, nay tụng chỉ có ba:

1. Hai hàng rươi đầu, tụng trưởng giả thấy lửa.

2. Mười ba hàng, tụng bỏ ghế dùng xe, dụ cho tạm thôi Đại thừa, thiết lập Tiểu thừa.



3. Mười bảy hàng, tụng dụ ban cho xe lớn.
- Hai hàng rưỡi đầu, tụng thấy lửa, có ba:
  1. Năng kiến.
  2. Sở kiến.
  3. Khởi kinh sợ, trong đây tụng đầy đủ.

Ba câu đầu từ “Chủ nhà” trở xuống, tức là người năng kiến, bên trên nói “thấy”, đây nói “nghe”, dùng nghe thay vì thấy, nghe ắt từ người khác. “Đứng ngoài cửa”, chính là tụng ý bên trên: “Ta tuy có thể ở cửa nhà cháy mà ra ngoài được an ổn”. “Đứng” là tại pháp thân địa thường có tâm đại bi, vì muốn cứu độ chúng sinh nên không trú nơi tòa Đệ nhất nghĩa không. Xưa nói: Mười phương Phật bảo Phật Thích-ca rằng: “Các người con của ông có duyên ở trong tam giới”, tức là thiện căn sắp diệt. Lại, nói: “Chúng sinh có căn cơ cảm Phật, tức là vì người khác”. Nay nói: pháp là thầy của Phật, gọi là pháp Tam-muội. Pháp này làm thầy, tức là người khác. Nếu nhập Tam-muội, thì có thể thấy căn cơ. Vì Tam-muội khiến Phật thấy, cho nên nói “có người mách rằng”. Lại nói: Đại bi là người khác v.v...

Từ “Các người con của ông” trở xuống, một hàng một câu, tụng thấy lửa cháy.

Hỏi: “Con vốn chưa ra, tại sao nói “vì đạo chơi mà vào nhà này”?”

Đáp: Hoặc từng phát tâm, gọi là ra khỏi Tam giới, vì còn thoái lui trở lại nên gọi là “vào”, như người cất chân muốn ra khỏi cửa nhưng đến gần bên cửa mà trở lại thì cũng gọi là “ra” cũng gọi là “vào”. Lại nữa lý tánh vốn tịnh, không phải pháp của Tam giới, do vô minh mà khởi hý luận liền có sinh tử, cho nên nói “trước đây vì đạo chơi mà đến vào nhà này”. Đại thiện chưa tích chứa, nên nói là “thơ bé”. Bị vô minh che lấp nên “không hiểu biết”.

“Trưởng giả vừa nghe xong, kinh sợ vào nhà lửa”. Hai câu này tụng “tức rất sợ hãi mà khởi tâm đại bi” bên trên.

Từ “Tìm phương nghi cứu tế” trở xuống mười ba hàng, tụng thí dụ bỏ ghế dùng xe, chia làm hai: Năm hàng rưỡi đầu, tụng thí dụ “cứu con không được” bên trên. Trong phần Khai thí bên trên có hai nghĩa khuyên và răn, trong phần hợp bên trên chỉ hợp khuyên, nay chỉ tụng răn. Văn răn có ba, nay tụng cũng có ba:

1. Bốn hàng rưỡi, tụng phần “ta sẽ nói sự sợ hãi nghĩ nghĩ” bên trên.
2. Từ “Các con nhỏ không hiểu” trở xuống, ba câu, tụng các con

không nhận lời răn.

3. Một câu: “Vui chơi mãi không thôi”, chính tụng dứt hóa. “Phương nghi”: là dự định dùng Đại thừa để giáo hóa. “Dù có nghe cha dạy” tức là nghĩa bên trên nói về các hoạn nạn, nghĩa là răn dạy. Chỉ một câu “Vui chơi mãi không thôi” là tụng trên nói “Cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi”, nghĩa là bỏ mặc cha khổ nhọc khuyên răn.

Từ “Khi ấy Trưởng giả kia liền nghĩ như thế này” trở xuống bảy hàng rưỡi, tụng thí dụ “dùng xe” bên trên. Trên có bốn:

1. Dự định thích hợp ba xe.
2. Biết tâm lúc trước của con.
3. Tán thán ba xe hiếm có.
4. Thích hợp sở nguyện của con.

Nay trong tụng chỉ có ba nghĩa, lược bớt nghĩa: “biết tâm lúc trước của con”. Ba hàng tụng đầu là dự định thích nghi. Từ “Bảo với các con rằng” trở xuống, ba hàng, là khen ngợi ba xe hiếm có. Bên trên có ba nghĩa: khuyên, chỉ bảo, chứng minh. Nay tụng cũng ba nghĩa đó và thêm nghĩa thứ tư là khuyên thành: Một hàng đầu tụng ý khuyên nhủ. Ba câu kế từ câu “Nào xe dê, xe hươu” tụng ý chỉ bảo. Một câu tiếp “Các con mau ra đây” tụng ý khuyên. Một hàng tiếp từ “Cha chính vì các con” trở xuống, là chứng minh. Từ “Các con nghe cha nói” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng hợp sở nguyện của con. Sáu câu này tụng tổng bên trên. “Rảo chạy” tức Kiến đế bên trên. “Đất trống” là địa vị Vô học bên trên.

Từ “Trưởng giả thấy các con được ra khỏi nhà lửa” trở xuống, mười bảy hàng kệ, tụng thí dụ đồng ban xe lớn bên trên. Văn trên có bốn:

1. Khỏi nạn.
  2. Đòi xe.
  3. Đồng ban xe lớn.
  4. Được xe hoan hỷ.
- Nay tụng cũng có bốn:
1. Năm hàng tụng khỏi nạn hoan hỷ.
  2. Ba hàng tụng đòi xe.
  3. Bảy hàng rưỡi, tụng đồng ban xe lớn.
  4. Một hàng rưỡi, tụng được xe hoan hỷ.
- Năm hàng tụng các con khỏi nạn lại có hai:

1. Một hàng, tụng khỏi nạn.
2. Từ “Ông bèn tự mừng rằng” trở xuống, bốn hàng tụng hoan

hỷ.

- “Ngồi tòa sư tử” có hai ý giải thích: 1. Các con ngồi tòa được ra khỏi tam Giới cho nên không còn sợ. 2. Trưởng giả ngồi tòa, thấy con được thoát nạn thì không còn sợ. Ban đầu ở ngoài cửa còn lo lắng cho nên nói là đứng, nay được ra khỏi cửa mới ngồi không sợ hãi. Cho nên, phẩm Phương Tiện nói: “nay ta vui vô úy”. Văn khỏi nạn đã xong “Ông bèn tự mừng rằng” bốn hàng, tụng trưởng giả hoan hỷ, như văn.

Từ “Khi ấy các người con, biết cha đã ngồi yên” trở xuống, ba hàng, tụng đòi xe, như văn.

Từ “Trưởng giả giàu có lớn” trở xuống bảy hàng rưỡi, tụng là thí dụ Đồng ban cho xe lớn bên trên. Văn trên có hai phần nêu chương, hai phần nói rộng, hai phần giải thích, hợp lại là sáu. Nay chỉ tụng bốn, không tụng phần nói rộng và phần giải thích tâm bình đẳng. Một hàng đầu siêu tụng thứ tư giải thích xe lớn. Nhà đầy đủ gọi là “khố” (kho), đất ruộng nhiều gọi là “tàng”. Hành đủ tất cả pháp, gọi là “tàng”, nhẫn nhĩ lực căn đầy đủ tất cả pháp, gọi là “khố”. Từ “Dùng các thứ vật báu” trở xuống sáu hàng, tụng nói rộng xe lớn. Tiếp hai câu tụng hai chương môn. “Đem xe đẹp như thế”, một câu, tụng chương môn xe lớn phần thứ hai bên trên. “Đồng ban cho các con”, một câu tụng chương môn tâm bình đẳng phần đầu bên trên.

Từ “Các con lúc bấy giờ, rất vui mừng hơn hở” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng các con được xe vui mừng. “Dạo đi khắp bốn phương” tức vận chuyển tuệ Trung đạo, theo chiều ngang dạo chơi khắp tứ chủng, Tứ môn, tứ chủng Tứ đế, theo chiều dọc dạo khắp bốn mươi một vị, rớt ráo bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh cho nên nói “vui chơi tự tại”.

Từ “Bảo Xá-lợi-phất này, Đức Phật cũng như vậy” trở xuống, ba mươi bốn hàng rưỡi, tức tụng Hợp thí.

Bốn hàng đầu tụng hợp Tổng thí, chỉ làm bốn ý mà bao gồm được sáu thí dụ. “Đức Phật cũng như vậy”, một hàng tụng hợp trưởng giả, nửa hàng trên tụng hợp vị hiệu, nửa hàng dưới tụng hợp danh hạnh, kiêm nghĩa tán đức. “Tôn cả trong hàng Thánh” bảy thứ phương tiện, “Cha lành của (chín loài) thế gian, tất cả chúng sinh đều là con của ta”, một bài kệ tụng hợp năm đường, nghĩa bao gồm ba mươi người con. Ba mươi người con là con duyên nhân, tất cả chúng sinh là con chánh nhân. “Ba cõi hiểm không an”, nửa hàng tụng hợp nghĩa nhà ở kiêm nghĩa được một cửa, “Các nạn khổ đầy đầy” một hàng rưỡi, tụng hợp thí lửa khỏi. Hợp tổng thí xong.

Từ “Đức Như Lai đã lìa nhà lửa ba cõi đó” trở xuống, ba mươi

hàng rưỡi, tụng hợp Biệt thí, trên tụng Khai không hư dối, nay tụng Hợp thì có. Ba hàng kệ đầu tụng thấy các chúng sinh bị sinh già v.v... là hợp thí dụ thấy lửa. Bên trên tụng dụ thấy lửa, vẫn có ba nay hợp cũng có ba:

1. Một hàng tụng Như Lai năng kiến bên trên, chính do nhân cư lạng lẽ vô tư lự, năng thấy các con đấm ngũ trước, tức hợp với “Nghe có người mách rằng”.

2. Từ “Hiện nay ba cõi này” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng trên thấy các chúng sinh bị sinh lão bệnh tử thiêu cháy, hợp thí dụ trên thấy cảnh lửa cháy. 3. Từ “Chỉ riêng một mình ta” trở xuống, nửa hàng tụng “Phật thấy việc này rồi suy nghĩ rằng” bên trên, hợp với “kinh hải vào nhà lửa”.

Từ “Dù lại đã dạy bảo” trở xuống, bốn hàng, tụng thí dụ Bỏ ghế dùng xe, có hai phần: Một hàng, tụng bỏ ghế... Phần Khai thí có ba: Nghĩ nghi, Không có cơ duyên và Thôi giáo hóa. Nay một hàng kệ này cũng có ba ý: “Dù là đã dạy bảo”, một câu tụng Nghĩ nghi “Mà vẫn không tin nhận” tụng không có duyên, hai câu dưới tụng Thôi giáo hóa. Hoặc có thể hai câu dưới tụng ý không có duyên. “Rất sinh lòng tham mê” tụng “chưa thoát khỏi sinh lão bệnh tử ưu bi khổ não” bên trên.

Từ “Bởi thế nên phương tiện” trở xuống, ba hàng tụng hợp thí “dùng xe cứu được con”, vẫn trên có bốn, nay chỉ tụng ba, hợp cũng có ba, lược bớt không hợp, “biết tâm trước của con”.

1. “Bởi thế nên phương tiện” một câu tụng trên “chỉ dùng trí tuệ phương tiện dự định muốn thích nghi”.

2. Từ “Vì chúng nói tam thừa” trở xuống, một hàng và một câu tụng hợp với ý thứ ba bên trên khen ngợi ba xe hiếm có.

3. Từ “Các người con đó thấy” trở xuống một hàng rưỡi, tụng hợp ý thứ tư trên “thích ứng sở nguyện”. Trên hợp tam thừa đều có bốn câu, nay thì tổng tụng. “Nếu nơi tâm quyết định”, là từ Khổ pháp nhẫn trở lên là chân quyết định, một câu này tổng tụng vị tam thừa rảo chạy. Từ “Đầy đủ cả tam minh” trở xuống, một hàng, đều tụng địa vị tam thừa tranh ra.

Từ “Xá-lợi-phất phải biết, ta vì các chúng sinh” trở xuống tám hàng, tụng hợp với thí dụ thứ ba trên “đồng ban cho xe lớn”. Văn trường hàng không hợp đòi xe và cùng hoan hỷ, tụng khai thì tụng đủ, nay hợp với ý đồng ban xe hoan hỷ, không hợp ý thoát nạn đòi xe. Bỏ trước lấy cuối cùng thành có hai văn, lại chia làm hai:

1. Năm hàng, tụng hợp “đồng ban xe”.

## 2. Ba hàng, tụng sau là hoan hỷ...

Trên hợp “đồng ban xe” có bốn, không tụng hai thứ kia, nay hợp lại lược bớt, chỉ hợp hai chương môn và phần thứ ba nói rộng “xe lớn”; lại tụng giải thích nguyên do có xe. Đầu tiên từ “Xá-lợi-phất phải biết” trở xuống một hàng, tụng chương môn về xe lớn. Văn trên nói “chư Phật thiên định”...Từ “Các ông nếu có thể” trở xuống, một hàng tụng hợp chương môn “tâm bình đẳng”, trên nói “các chúng sinh này được thoát khỏi ba cõi”. Từ “Phật thừa đây vi diệu” trở xuống hai hàng, tụng hợp chánh phần nói rộng về xe lớn, trên nói” đều nhất tướng nhất chủng v.v...”. Từ “Đủ vô lượng ngàn ức các trí lực giải thoát” trở xuống một hàng, tụng “nguyên do có xe” bên trên.

Từ “Chứng đắc thừa như thế” trở xuống ba hàng, tụng được xe hoan hỷ. Đây lại chia làm hai: 1. Hai hàng nêu đều được xe lớn. 2. Từ “Vì bởi nhân duyên đó” trở xuống, một hàng, kết khuyến tin. Nay hai hàng kệ đầu: “Ngày đêm”: ban đầu đắc tri kiến Phật, Trung đạo trí sáng như phần ngày, vô minh như ban đêm. Tự đắc Trung đạo trí, ví như ban ngày. Từ bi nhập dòng sinh tử, ví như ban đêm. Thường hành hai pháp nên nói “vui chơi”. Hàng tam thừa đồng nhập Phật trí, cho nên nói: “Cùng các hàng Bồ-tát cùng với chúng Thanh-văn”. Lại đây nêu rõ tự hành hóa tha, tự thù hoạch thừa này cho nên nói “ngày đêm đạo chơi”. Lấy đây hóa tha, cho nên nói “Cùng các hàng Bồ-tát cùng với chúng Thanh văn”, năng hóa tam thừa cùng cưỡi xe báu này. Tiếp đến một hàng nói nhân duyên Phật nói nhất thừa không nói ba thừa, ở trong mười phương cõi xét thật mà cầu “chỉ có một không hai, trừ Phật phương tiện thuyết” tức là không cốt ở nói năng. Người khác nói: Bồ-tát nếu không đòi xe, thì do đâu mà cưỡi xe hoan hỷ?

Từ “Bảo với Xá-lợi-phất, bọn ông các người thấy” trở xuống, mười tám hàng rưới; tụng ý thứ tư bên trên hợp với dụ “không hư dối”. Hợp bên trên có hai: trước nêu hai thí dụ, sau hợp không hư dối. Nay chỉ tụng hợp “không hư dối”.

- Văn chia làm hai:

1. Ba hàng rưới đầu, chính tụng hợp với chương môn không đối gạt.
2. Từ “Nếu có Bồ-tát nào” trở xuống mười hai hàng, tụng hợp giải thích không đối gạt. Thân-tử nêu thí dụ “xứng với bản tâm không đối gạt”. Cha muốn cho các con được thoát nạn, cho nên bày đặt ba xe, các con đã được thoát nạn, thậm chí không cho xe nhỏ cũng không trái với tâm trước kia, cho nên nói “không đối gạt” nêu rõ bản ý của Phật, tức chỉ muốn thuyết nhất nhưng vì chúng sinh ngu trước không chịu tự

nhận, cho nên thuyết tam; trước chương đã trừ, nên lại thuyết Nhất đại, tức xứng bản tâm.

Nay chương môn không đối gạt chia làm ba:

1. Một hàng trước định cha con, nêu rõ bản ý muốn cho Đại thừa cho nên vẫn nói “đều là con của ta”, theo lý nên bình đẳng cho xe lớn.

2. Từ “Các ông trải nhiều kiếp ” trở xuống một hàng nêu liền thuyết tam thừa, ý vì trừ chương cho nên nói “các ông trải nhiều kiếp bị các sự khổ đốt”.

3. Từ “Ta dù ngày trước nói” trở xuống một hàng rưỡi, nói chương đã trừ, trở về bản tâm tham dự pháp Đại thừa, cho nên nói: “Nay việc phải nên làm, chỉ có trí tuệ Phật”.

- Từ “Nếu có Bồ-tát nào” trở xuống mười hai hàng tụng hợp thích, lại giải thích ba ý trước:

1. Hai hàng giải thích đều đồng là con, lý nên bình đẳng.

2. Từ “Nếu có người trí nhỏ” trở xuống bảy hàng, giải thích: không thể thọ nhận, cho nên mới thuyết tam thừa.

3. Từ “Kỳ thiệt chưa phải được” trở xuống, ba hàng, giải thích sau nếu có khả năng thọ nhận thì có thể trở lại cho pháp Đại thừa.

Nay hai hàng đầu, nói “Nếu có Bồ-tát nào”, là chúng sinh được Phật dùng Tam thừa làm phương tiện để hóa độ, đều là Phật tử kết duyên ngày xưa, cũng đều đồng có chân như Phật tánh, cho nên nói “đều là Bồ-tát cả”. Từ “Nếu có người trí nhỏ” trở xuống bảy hàng, nêu hạng trí nhỏ chương nặng không thể tin thọ, vì vậy nên dùng phương tiện khai Tam tiếp dẫn. Vì hạng trí nhỏ này mà thuyết Khổ đế, hàng Thanh văn ở trong tam thừa rất nhỏ, lại dùng Khổ đế làm sơ môn. “Chúng sinh nghe lòng mừng”, là xứng với nguồn gốc tu tập thì vui, vốn nhằm chán sinh tử tự cầu Niết-bàn, nay nghe xuất ly hiểu xưa có tu tập cho nên vui mừng. Trong đây chính nêu Hữu tác tứ đế. “Chỉ xa rời hư vọng”, vì vô minh đã là không thực, “Thông hoặc” phụ giúp vô minh khởi lên, cho nên gọi đó là “hư vọng”. Hữu tác tứ đế chỉ trừ “Thông hoặc” này, gọi là giải thoát, mới thoát Phần đoạn, mà chưa thoát Biến dịch cho nên chẳng được tự tại.

Từ “Kỳ thật chưa phải được” trở xuống ba hàng, giải thích: chương đã trừ, tình căn lại lợi, trở về bản tâm ban cho pháp Đại thừa. Đức Phật vốn muốn “giải thoát hẳn tất cả”, nay ông mới chỉ đoạn trừ Phần đoạn sinh tử, chẳng phải Đại Niết-bàn. Bởi vì chưa được giải thoát tất cả, trọn chưa xứng với bản tâm, cho nên nói “Ý của ta không muốn cho đó đến diệt độ”. Nay thì lại khiến đắc vô thượng đạo, nhập Đại Niết-bàn,

mới là cứu cánh xứng bản tâm Phật. “Giải thoát hẳn tất cả” tức là Vô tác Diệt đế. “Vô thượng đạo” tức là Vô tác Đạo đế. Dùng nhị đế phá Vô tác Khổ Tập. Xưa muốn thuyết điều này nhưng vì chúng sinh không kham nổi, nay chướng đã trừ nên mới thuyết điều này. Phật là đấng pháp vương, đối với pháp quyền thật đã được tự tại, khai tam hiển nhất thật, đâu có hư dối.

**II. Từ “Xá-lợi-phất phải biết, pháp ẩn của ta đây”** trở xuống sáu mươi lăm hàng kệ, khuyên tín lưu thông Tín, là tin Phật thuyết hay không thuyết. Khuyến, khuyến có thể thông suốt và không thể thông suốt. Đây có hai nghĩa này, cho nên nói “khuyến tín”. Văn chia làm hai.

1. Nêu hai chương.
2. Giải thích.

Một hàng đầu, nêu pháp Phật nói và không nói. Đức Như Lai nói pháp ẩn này, vì lợi ích thế gian cho nên “nói”. “Không nói” là hơn bốn mươi năm chưa đúng thời nói, năm ngàn người chưa rời khỏi pháp hội, cho nên không nói.

“Tại chỗ ông đi qua” trở xuống, nửa hàng, nêu chương có thể thông và không thể thông, là “Chớ có vọng tuyên truyền”. Đối kẻ ác mà gượng thuyết thì khiến họ rơi vào đường khổ. Đối người thiện mà không thuyết thì bỏ lỡ cơ hội, khiến họ mất lợi lạc. Nếu vì đại bi thương kẻ ác mà nói pháp, thì họ không thể lưu thông kinh. Nếu đại từ nghĩ đến người thiện thì họ cảm ứng có thể lưu thông, đó gọi là chương nêu có thể thông, không thể thông.

Từ “Nếu có người nghe đến” trở xuống, là phần giải thích, lại chia làm hai:

1. Tám hàng, giải thích có thể thuyết, không thể thuyết.
2. Năm mươi hàng rưỡi, giải thích có thể thông, không thể thông.

Tám hàng đầu, nêu tướng Như Lai làm lợi ích thế gian. Thông luận lợi ích ba đời, biệt luận khiến hàng nhị thừa nhập tín. “A-bệ-bạt- trí” là quán lợi ích hiện tại. “Đã từng thấy” là quán thiện quá khứ vì thuyết. “Tin chịu lời ông nói, thời chính là thấy ta” là quán thiện vị lai vì thuyết. Văn dưới nói: “Nếu tin hiểu sâu xa là thấy Phật thường ở núi Linh Thứu”, tức nghĩa ấy vậy.

Từ “Phật vì người trí sâu, thuyết Kinh Pháp Hoa này” trở xuống một hàng kết trên khai dưới, đức Như Lai quán sát biết lợi ích ba đời, thế nên vì họ mà thuyết. Người trí cạn không hiểu, thì không thuyết cho họ, đây là giải thích chương Như Lai nói và không nói.



Từ “Kẻ kiêu mạn biếng lười” trở xuống, giải thích chương nói hành nhân thông và không thông. Văn có hai:

1. Ba mươi sáu hàng rưỡi đầu, nêu nếu dùng Đại bi môn thì đừng vì kẻ ác mà thuyết, trước dẫn tâm số ác ắt khởi ác phỉ báng, thâm hoạch quả báo ác, cho nên vì đại bi không thể thuyết cho họ. “Đoạn mất hạt giống Phật ở thế gian”, theo kinh Tịnh Danh thì coi phiền não là hạt giống Như Lai, đây là chấp tánh cảnh giới. Kinh Đại Phẩm thì dùng Nhất thiết chủng trí học Bát-nhã, đây là lấy liễu nhân Phật tánh làm Phật chủng. Kinh Niết-bàn thì dùng lý tâm tánh chẳng đoạn, đây là lấy chánh nhân Phật tánh làm Phật chủng. Nay kinh nêu “tiểu thiện thành Phật”, đây là lấy duyên nhân làm Phật chủng. Nếu không tin “tiểu thiện thành Phật” thì đoạn Phật chủng thế gian.

Từ “Nếu có người lợi căn” trở xuống, mười chín hàng, giải thích khi hoàng kinh dùng tâm Đại từ vì người thiện mà tuyên thuyết, khiến họ không mất lợi lạc. Xét rằng hoàng thông kinh thì cốt yếu hài hòa hai môn khiến kia hiểu được, tức khéo lưu truyền, nếu không được thì là vọng tuyên truyền. Văn có hai: 1. Mười bảy hàng, có năm cặp, mười tướng người thiện riêng có thể vì họ tuyên thuyết. 2. Hai hàng tổng kết nên thuyết. Năm cặp: “Quá khứ- hiện tại” là một cặp, “lợi căn” là hiện tại, “Trông các cội đức lành” là quá khứ. “Học rộng và nhớ dai” là hiện tại. “Thấy trăm ngàn ức Phật” là quá khứ. “Thượng hạ” là một cặp thứ hai, tu từ là thương xót người dưới, cung kính là tôn trọng người trên. “Nội ngoại” là một cặp thứ ba, xả ác gần gũi thiện là cầu bên ngoài, giữ giới như giữ hạt châu là gìn giữ bên trong. “Tự hành, hóa tha” là một cặp thứ tư, chất trực kính Phật là tự hành, thí dụ thuyết pháp là hóa tha. “Thủy chung” là một cặp thứ năm, cầu pháp khắp bốn phương thỉnh ích, là “thủy”, cúi đầu lãnh thọ chuyên tu, là quay về nương tựa, gọi là “chung”...

Từ “Bảo cùng Xá-lợi-phất” trở xuống hai hàng, tổng kết: thiện tín rất nhiều, lược nêu mười tướng trạng, chỉ bày phương pháp lưu thông. Hiển bày hai môn Từ Bi, có thể thông và không thể thông, là chủ yếu.

-----

**Phẩm Thứ 4: TÍN GIẢI**

Có người nói: Tín giải ba pháp: Nghĩa là: Nhất vãng hóa (một lần đã hóa độ), Tùy trực hóa (theo đuổi hóa độ), Tất cánh hóa (cuối cùng hóa độ). Xưa thuyết Đại là Nhất vãng, trái với đại sau là Tùy trực, cha con gặp nhau là Tất cánh. Lại, nói Nhân thiên thiện là Nhất vãng, thuyết Tiểu thừa cùng Pháp Hoa là Tùy trực, thuyết Pháp Hoa đặc thọ ký là Tất cánh. Lại, sơ thuyết Nhị thừa là Nhất vãng, chuyển giáo là Tùy trực, Pháp Hoa là Tất cánh. Lại, chuyển giáo là Nhất vãng, trái qua Phương đẳng là Tùy trực, ngộ Nhất thừa là Tất cánh. Lại, thuyết Pháp Hoa là Nhất vãng, Thập địa thường giáo hóa là Tùy trực, đến Kim cang tâm là Tất cánh. Lại, kết liền với Tứ hoàng thế nguyện (kết Tăng-na) là Nhất vãng, trung gian là Tùy trực, đắc Phật là Tất cánh. Riêng cho rằng: các sự hiểu biết lớp lớp như trên, chồng chất như ngọc vụn, chẳng phải bảo vật. Nhất vãng thì chẳng phải bản hoài, Tất cánh là tông cùng cực. Thuyết Nhân thiên Nhị thừa là Nhất vãng, có thể chẳng phải bản hoài. Xưa vì thuyết Đại nay thuyết Pháp Hoa, ấy là Tất cánh, đâu được gọi Nhất vãng? Nếu Pháp Hoa Tất cánh mà lại thành Nhất vãng, nhân thiên Nhất vãng lại thành Tất cánh thì đại điên đảo. Lại, hàng Nhị thừa là Nhất vãng, thảo am nên phá, xưa Đại là Nhất vãng, buộc hạt châu cũng nên phá. Hoặc là một phá một không phá, một là Nhất vãng một chẳng phải Nhất vãng. Lại, nếu cha con tương kiến là Tất cánh, thì trước Tất cánh phải ngộ Nhất, tức là về sau Tất cánh không còn dùng. Nếu sau Tất cánh mới ngộ Nhất, thì cái Tất cánh trước như thế không phải là Tất cánh. Liên tiếp có ngăn ngại, cho nên nay đều không dùng.

Có người nói: Phẩm này là Tích. Vì sao? Vì Như Lai thành đạo đã lâu, cho đến trong thời gian giữa, dừng lại cũng là Tích. Riêng cho rằng: nghĩa lý đúng như thế, nhưng ở vẫn không thuận tiện. Vì sao? Phật chưa thuyết bản tích, thì sao bỗng vui mừng nhận lãnh? như chưa hội Tam đã phải ngộ Nhất v.v...

Nay giải thích phẩm: xét rằng căn cơ thì có lợi độn, hoặc có dày mỏng. Thuyết thì có Pháp thuyết, Thí thuyết. Ngộ thì có trước sau. Trước tòa Pháp Hoa thì cũng như oản đậu. Văn nói “Như Lai thuyết pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nơi tòa thân thể mỗi mệt, chỉ nhớ ba pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, đối với các pháp của Bồ-tát thì không một niệm ưa thích”. Ban đầu nghe lược thuyết thì động chấp sinh nghi, rộng nghe năm đức Phật thì mộng lung chưa hiểu. Nay nghe thí dụ thì vui mừng hơn hở, “Tín” phát “Giải” sinh, nghi trừ, lý sáng. Vui mừng là

Thế giới Tất-đàn, Tín phát là Vị nhân, nghi trừ là Đối trị, lý sáng là Đệ nhất nghĩa. Do nhân duyên đó, cho nên đặt tên phẩm này là Tín Giải. Lãnh thọ giáo từ Tiểu đến Đại, ban đầu đổi phàm thành Thánh, đều có thứ bậc. Nhưng Tiểu thừa Tín hành thì từ nghe mà sinh Giải. Khổ nhẫn phát sinh tín, thì gọi là hành. Pháp hành trải qua pháp quán sát. Khổ nhẫn phát sinh pháp, thì gọi là hành. Nếu người Tín hành chuyển nhập tu đạo, thì chuyển gọi là Tín giải. Người Pháp hành nhập tu đạo, thì chuyển gọi là Kiến đắc. Chuẩn Tiểu thừa hưởng về Đại cũng như đây. Hạng người trung căn nghe thuyết Thí dụ, ban đầu phá nghi- hoặc nhập Đại thừa Kiến đạo cho nên gọi là “Tín”, tiến tới nhập Đại thừa Tu đạo cho nên gọi là “Giải”. Văn nói: “Vô lượng trân báu không tìm cầu mà tự được”, “Chúng con ngày hôm nay, Mới thật là Thanh văn, Dùng âm thanh Phật đạo, Khiến tất cả đều nghe”. Nghe Viên giáo, nhập Viên vị, cho nên gọi là phẩm Tín Giải.

Bản Tích: Bốn đại đệ tử từ lâu nhập Đại thừa thành tựu Phật pháp, Tích môn dẫn trung căn chỉ bày ban đầu tín giải cho nên gọi “phẩm Tín Giải”.

Đây là đoạn lãnh giải, gần lãnh Nhà lửa, xa lãnh Phương tiện. Văn chia làm hai: 1. Kinh gia trình bày sự hoan hỷ. 2. Bạch Phật tự trình bày. Trước trình bày nội tâm, tiếp nêu sự cung kính bên ngoài.

Thiện Cát riêng xưng là Tuệ mạng. Ba người kia đều là “Ma-ha”, là Đại, là Tuệ. Riêng luận về Thiện Cát giải Không, Không Tuệ là Mạng, đây là căn cứ hành. Trong các trí tuệ của loài người thì trí tuệ Phật là bậc nhất. Phật lấy trí tuệ làm thọ mạng để chuyển giáo, là mạng của người trí tuệ cho nên gọi là Tuệ mạng. Ba đệ tử bị Tuệ mạng ít, chẳng dùng Không làm Tông yếu để tu hành. Đây là căn cứ vào giáo. Giải thích chữ “Ma-ha” thì như trước đã nói...

Nguyên do “hoan hỷ”, là xa nghe phương tiện, năm đoạn pháp thuyết. Kinh gia chỉ trình bày hai loại: nghe pháp hiếm có và nghe thọ ký. Hoặc có thể nghe pháp hy hữu trình bày bốn đoạn, thấy thọ ký là đoạn thứ năm. Nghe thấy như đây xưa nay chưa từng có, đó là nguyên do hoan hỷ. “Phát tâm hy hữu”, là trình bày gần nghe thuyết bốn phen thí dụ, thì tâm hy hữu phát. Tâm phát cho nên gọi là tín, do tín cho nên nhập, nhập vị Hoan hỷ, tức là ý của phẩm Tín Giải. “Từ chỗ ngồi đứng dậy” là trình bày ngoại kính, như văn. Theo lệ Thân-tử cũng nên ba nhiếp lãnh giải. Căn cứ phần trước thì có thể hiểu.

Từ “Bạch Phật” trở xuống, là miệng tự trình bày. Văn chia làm hai phần:

**I. Trường hàng và bảy mươi ba hàng rười**, chính trình bày được hiểu.

**II. Mười ba hàng tán thán ân sâu của Phật.** Sự hiểu biết đây do đức Phật, cho nên trước trình bày sau tán thán.

Trường hàng lại có hai: Lược Pháp thuyết và Rộng Thí thuyết.

- Lược lại có hai: 1. Pháp thuyết; 2. Lược nêu thí dụ.

- Pháp thuyết lại có hai:

a. Xưa theo Tam cho nên không cầu.

b. Nay hiểu Nhất cho nên tự được.

Trong không cầu có hai: Nêu và giải thích.

- Nêu có ba:

1. Đứng đầu chúng Tăng.

2. Tuổi đời già nua.

3. Chứng đắc.

“Đứng đầu chúng Tăng” là trong Phật pháp thì hạ lập cao, học theo pháp của Phật làm mô phạm bỗng thay đổi đường hướng bỏ Tiểu cầu Đại, bị hậu học chê gièm, tự cố gắng giữ gìn do đó không cầu tìm. Tuổi đời già nua, nếu làm Bồ-tát phải chuyên gánh vác Đại đạo, rộng độ chúng sinh, thì già yếu không thể gánh vác nổi, cho nên không tìm cầu. “Đã đắc Niết-bàn”, chánh vị vô vi không thể phát tâm Đại thừa, như cao nguyên đất liền thì không thể sinh hoa sen. Tận trí và Vô sinh trí đã lập, không còn chỗ nương cầu.

Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là giải thích ba thứ không cầu trên, vẫn không có thứ tự này. Trước giải thích ý đắc Niết-bàn nên không cầu. Tiếp đến, giải thích tuổi già, tức bao gồm đứng đầu trong Tăng, hoặc chỉ xưa nói pháp đã lâu mà không sinh tâm ưa thích. Giải thích đứng đầu Tăng chúng, không cầu: Đã nói “ngồi nơi tòa, lại tuổi già yếu” là biết giải thích đứng đầu Tăng chúng, giải thích không cầu thì như vậy.

Từ “Chúng con hôm nay ở trước Phật” trở xuống, là trình bày nguyên do được hiểu: Do xa nghe năm chương, lược, rộng, khai tam hiển thật, cho nên “vui mừng vì may mắn”. “Được thiện lợi lớn” là chánh nêu được hiểu; gần nghe bốn phen pháp thí dụ hy hữu mà được khai ngộ, khai ngộ thiện lợi.

Từ “Vô lượng trân bảo” trở xuống, là lược nêu thí dụ. Dụ cho xưa không cầu mà nay tự được pháp bảo hy hữu. Từ “Thế tôn! Chúng con hôm nay muốn nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó” trở xuống, là rộng lãnh giải; có khai thí và hợp thí, muốn khai trước hết hỏi han triển khai.

Thí dụ chia làm năm phần:

1. “Bỏ cha trốn đi” trở xuống, gọi là dụ “Cha con thất lạc nhau”, nghĩa gần là lãnh hội Tổng thí Nhà lửa, nghĩa xa là lãnh hội lược tụng của phẩm Phương Tiện.

2. Từ “Cùng tử làm thuê làm mướn” trở xuống, gọi là dụ “Cha con gặp nhau”, gần lãnh hội thấy lửa trong dụ Nhà lửa, xa lãnh hội “Ta dùng Phật nhãn xem thấy” trong phẩm Phương Tiện.

3. Từ “Liên sai người hầu đuổi theo gấp bắt lại” trở xuống, là dụ “Đuổi theo khuyên về”, gần lãnh hội bỏ ghế dùng xe trong dụ Nhà lửa, xa lãnh hội Đại dạy Tiểu trong phẩm Phương Tiện.

4. Từ “Qua đó về sau tâm tướng thể tín” trở xuống, là dụ “Cho con biết gia nghiệp”, đây chẳng phải lãnh gần xa như trên, chính là lãnh ý “nhớ lại dùng giáo Phương đẳng quở trách Tiểu thừa và Bát-nhã chuyển giáo”.

5. “Lại trải qua ít lâu sau, cha biết ý chí con” trở xuống gọi là dụ “Giao phó gia nghiệp”, gần thì lãnh ý ban cho một thứ xe lớn trong dụ Nhà lửa, xa thì lãnh ý ngay thẳng bỏ phương tiện trong phần Pháp thuyết. Lại, hợp phần thứ tư thứ năm lại làm một dụ “giao phó”, ở dưới lại nêu rõ ý kia.

Xưa cho rằng: Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương ví như Trưởng giả. Nay không quan niệm như thế, vì ở Tây phương Phật biệt duyên khác. Phật biệt, cho nên nghĩa ẩn hiển không thành; duyên khác cho nên nghĩa cha con không thành. Lại, kinh này từ đầu đến cuối hoàn toàn không có ý chỉ này như nhắm mắt xuyên tạc. Nay dựa theo văn phụ thêm nghĩa.

Nếu giải thích “cùng tử”, thì lấy nghĩa “người Nhị thừa” trong pháp môn Tiểu thừa để tiêu hóa kinh văn. Nếu giải thích “Trưởng giả”, thì chọn nghĩa Phật Lô Xá Na trong pháp môn Đại thừa để tiêu hóa kinh văn. Vì sao? Vì Trưởng giả ở trong nhà, cởi hết châu ngọc áo tốt, mặc áo thô xấu. Áo anh lạc có khác, còn người chỉ một. Dụ đức Phật Lô Xá Na ẩn vô lượng thần đức, hiện tướng một trượng sáu vàng sáng chói, tay cầm đồ hốt phân, thiết lập Tam thừa giáo. Ẩn hiển có khác, đâu có quan hệ gì đến thể biệt? Đức Lô Xá Na mặc áo, cởi áo gần mà còn không biết, thì Đức Di Đà ở xa sao biết thay đổi...

Đây là phần một: Dụ cha con thất lạc nhau, lại có bốn đoạn:

1. Con bỏ cha trốn đi.
2. Cha tìm kiếm con, giữa chừng dừng lại tại một thành.
3. Con gặp phải quê hương.

## 4. Cha nhớ thương lo lắng.

- Bốn đoạn mỗi đoạn đều có hai ý. Đoạn một có:

1. “Con bỏ cha mà đi”, là lãnh “Năm trăm người” trong Tổng thí (chữ “lãnh” nghĩa là hiểu được ý). Xưa đã kết cha con trong Đại thừa rồi lại quên, là hiểu chúng sinh lưu lạc trong năm đường cho nên nói: “hoặc mười năm hai mươi năm cho đến năm mươi năm”. Nói chung đều là con Phật, nhưng nghĩa con còn yếu ớt, cho nên nói “thơ đại”, chẳng kết duyên kỹ giới cho nên nói “ở lâu nơi nước khác”.

2. Hưởng bản xứ trở về, lãnh “ba mươi người con” trong Tổng thí. Đây vì có nghĩa tích chứa vi diệu cho nên nói “tuổi trưởng thành”. Vì đã trải qua khổ, liên quan lòng Đại bi của Phật, cho nên nói “gặp đường trở về nước mình”.

Đoạn hai: Cha tìm kiếm con, giữa chừng dừng lại tại một thành có hai ý: 1. “Cha tìm con không được”, lãnh “Trưởng giả” trong Tổng thí, từ sau khi chúng sinh thoát thất Đại thừa, dò xét cơ Đại thừa của chúng, thì thấy họ chưa hội được cho nên nói “không được”. 2. “Dừng lại tại một thành Nhà ông” là lãnh “nhà” trong Tổng thí. “Giàu có lớn” là lãnh ý “Trưởng giả đức nghiệp trong ngoài giàu có” trong Tổng thí.

- Đoạn ba: Người con đến thành của cha, có hai ý:

1. Nguyên do đến thành, lãnh hội tướng khổ não qua thí dụ lửa bốc cháy. Từ khi thoát Đại thừa về sau thì trải qua khắp nơi, đủ mùi cay đắng.

2. “Cuối cùng đến thành nơi cha ở”, tức là coi cái Khổ là cơ duyên hợp với Đại bi, cho nên nói: “cuối cùng đến thành nơi cha ở”.

- Đoạn bốn: Cha lo buồn và vui mừng, có hai ý:

1. Mất con nhớ khổ.

2. Được gặp lại con vui, lãnh “một cửa” trong Tổng thí, con đã nhỏ dại chọn cửa không đúng làm cho cha lo lắng, giới dùng cửa này để đi ra cho nên nói làm cho cha vui.

Phân chương đã xong.

- Giải thích văn: Ban đầu con bỏ cha trốn đi có hai:

1. “Thí như có người”, lãnh “hai mươi người con” dụ cho “hàng Nhị thừa”. Hạnh vị của Bồ-tát thì khó biết, hơn nữa đều đã lãnh. “Tuổi còn thơ đại”. Xưa nói: nghe pháp ít, gọi là “thơ đại”. Nếu như vậy thì văn dưới nói “trưởng thành” tức là nghe pháp nhiều?! Nay cho rằng: do vô minh sâu dày che lấp làm chướng ngại Tâm hiểu biết, tâm hiểu biết không đủ sức cho nên nói “thơ đại”. Thiệt căn huân tập gia bị dần dần cần phải tích chứa, gọi là “trưởng thành”. “Bỏ cha trốn đi mất”:

Thoái đại là “bỏ”, vô minh tự che lấp là “trốn”, hướng đến sinh tử là “đi mất”.

Hỏi: Đức Phật bỏ, lẽ ra về sau chúng sinh khởi Hoặc, tức là cha bỏ con chứ không phải con bỏ cha? Đáp: Do chúng sinh không cảm đến Phật bỏ thế gian, mà ngược lại thành nghĩa con bỏ cha.

“Ở lâu nơi nước khác”: Pháp giới Niết-bàn là cõi Phật của mình, sinh tử ngũ dục là “nước khác”. Vốn cầu xuất ly mà thoái đoạ không trở lại, cho nên nói “ở lâu”. “Hoặc mười” là Thiên đạo, “hai mươi” là Nhân đạo, “năm mươi” là Ngũ đạo (năm đường). Căn cứ nơi “một người” luân hồi khắp các đạo.

2. Từ “Tuổi đã lớn” trở xuống, là ý thứ hai: hướng trở về nước.

- “Thơ ấu” có hai nghĩa:

1. Si mê Tiểu thừa.

2. Chưa gặp khổ nên không biết trở về.

Dụ kết duyên về sau chưa hiểu nhiều về Đại thừa, như si mê không trở về, người thiếu phước thì đam mê không trở về. Nay tập nghiệp ngầm huân vi diệu biết đường hướng, gặp khổ mất vui tư duy mong cầu xuất yếu. Hai điều này làm cơ duyên hợp với Phật, gọi là “du hành dần dần tình cờ gặp đường hướng về bản quốc”. Văn trên nói: Nếu người gặp khổ thì vì họ thuyết Niết-bàn. Nếu ở hai đường thiện nhân thiên mà chẳng cảm Phật duyên, thì ở trong ba cõi không thấy Phật ví như cha, gọi là “cùng”. Không biết cách xuất yếu, gọi là “cùng”. Lửa bát khổ thiêu đốt, gọi là “khốn”. “Rong ruổi bốn phương để cầu ăn mặc”. Xưa nói: Nhân, Thiên ngũ giới thập thiện đều có nhân quả, coi đó là vật dụng bốn phương để tự cung cấp nuôi dưỡng, lại mưu sinh trong bốn loài (tứ sinh) để cầu ăn mặc.

Văn dưới nói: Một trăm ba mươi kiếp nay mới thấy được một lần, trong các kiếp ấy chẳng phải không có quả báo nhân thiên nhưng không năng cảm Phật. Cho nên, biết thiện đây chẳng phải cơ duyên để thấy Phật. Nay Phật chưa xuất thế, những người phạm phu khởi bốn kiến về thân thọ tâm pháp, ở trong đó cầu chánh đạo như “cầu ăn”, cầu trợ đạo như “cầu mặc”. Lấy “sự nhàm khổ mà cầu lý” làm duyên được độ. Khi đức Phật mới xuất thế, chúng ngoại đạo đều được độ trước, tức ý đây vậy. Đại Kinh nói: “Đế quán bốn phương dụ cho Tứ đế”. Căn cứ theo đây thì có thể biết.

“Du hành dần dần tình cờ gặp đường hướng về đến bản quốc”, là nói kia chán khổ hy vọng thoát tà cầu đắc Niết-bàn, tuy chẳng phải bản ý mà cũng nhờ đó được gặp Phật, cho nên nói “tình cờ gặp đường



hướng về bản quốc” như trên nói. Dưới đây nêu “thành, xá” làm sao phân biệt? Hết thấy Phật pháp là nước (quốc), nghĩa này thì rộng, nói “thành” thì nhỏ hơn và thân thiết hơn. Cõi “Đoạn đức Niết-bàn, ngăn ngừa điều trái chống lại việc ác” là “thành”. “Xá” là tự thân, đồng thể đại bi làm “Xa”.

Từ “Người cha từ trước đến nay tìm con không được” trở xuống, là đoạn hai: thí dụ “Tìm con, giữa chừng dừng lại tại một thành”, cũng chia làm hai:

1. Từ thoái Đại thừa sau tìm cơ duyên mà không gặp. Không gặp cho nên gọi là “không được”.

2. “Giữa chừng dừng lại tại một thành”, không vì một người con mà phế bỏ gia nghiệp, dụ cho Phật không vì một chỗ không có cơ duyên mà phế bỏ việc giáo hóa các phương khác. Xưa nói: Sau hai vạn đức Phật và trước Phật Thích-ca, thì giữa hai mốc thời gian này là “giữa chừng dừng lại”. Nay cho rằng nghĩa “giữa chừng” thì có thể như vậy, “dừng lại tại nước, thành nhà” thì đều không thể dùng. Nay chọn Phương tiện hữu dư độ là “nước”. Giữa hai cõi Đồng cư và Thật báo là “giữa chừng”. Hữu dư Niết-bàn là “thành” Trụ nơi thành Niết-bàn này gọi là “dừng lại”. Ở Niết-bàn này làm “nhà”, khởi hai ứng thân Thắng, Liệt. Liệt ứng thì ứng với Thanh văn, Thắng ứng thì ứng với Bồ-tát. Năm hạng người đoạn Thông hoặc, đồng sinh ở cõi Phương tiện hữu dư kia, đều là Bồ-tát. Phật dùng Thắng ứng thân mà ứng phó, thuận dùng gia nghiệp Đại thừa mà dạy bảo khiến tu học. “Giữa chừng dừng lại” ở đây là dò xét tìm con căn cơ ở cõi Đồng cư, không phải chỉ nghĩa “giữa chừng” được hợp, mà “nước, thành, gia nghiệp” thấy đều phân minh. “Nhà ông giàu lớn”: Cảnh thật tướng là “nhà”, đầy đủ vạn đức gọi là “giàu”, ngũ độ phước đức gọi là “của cải”, trí tuệ Bát-nhã gọi là “của báu”. Chỉ dẫn cho hết thấy biết Ma-ha-diễn, gọi là “vô lượng”. “Vàng, bạc, châu báu v.v...”. Là ba mươi bảy phẩm trợ đạo của Đại thừa. Đây tức lãnh hội nghĩa “trưởng giả đại phú” bên trên. “Kho đụn đầy tràn”, ở trong là “đầy”, ở ngoài là “tràn”. Nhiều lúa gạo gọi là “đụn (thương)”, nhiều vật gọi là “kho”. “Đụn” dụ cho thiền định, thiền phát sinh một trăm lẻ tám Tam-muội. “Kho” dụ cho thật tướng, có thể sinh mười tám Không trí tuệ. Tự nuôi gọi là “đầy”, ngoài giáo hóa gọi là “tràn”, lãnh hội nghĩa “có nhiều ruộng nhà” trong thí dụ trên. “Tôi tớ” là phương tiện tri kiến Ba-la-mật thấy đều đầy đủ, uyển chuyển tùy cơ duyên xứng sự xứng lý, đây là lãnh hội nghĩa trên: “lại nhiều người theo hầu hạ”. Căn cứ địa vị mà nói, Nhị thừa cho đến Thông giáo Bồ-tát, Biệt

giáo tam thập tâm đều như “tôi tớ”, Biệt giáo, Viên giáo Thập địa như “đại thần”(bầy tôi của vua), Thập hồi hương như “trợ tá”, Thập hạnh như “tùy phái”, Thập trú như “dân”. Ban đầu vào cảnh giới Phật, là khách của Suất độ, đều là dân của vua. Tuy được làm dân, nhưng so với trợ tá, tùy phái thì còn cách xa. Thập hạnh trải qua việc biệt tu tập các pháp, chạy vạy đủ thứ như “tùy phái”. Thập hồi hương thì sự lý sâu dần, chức vị gần bên vua như “trợ tá”. Thập địa phụ giúp đức Phật hành hóa, hàng phục ma quỷ, cho nên như “đại thần”. Nhất tâm tam quán như “voi”, vận chuyển Đại thừa Viên giáo. Thứ đệ tam quán như “ngựa”, vận chuyển Đại thừa Biệt giáo. Tức Không, Tích Không quán như “trâu”, vận chuyển Đại thừa Thông giáo... Tích pháp quán thì tự hành như xe hươu dê... vận chuyển pháp nhị thừa.

“Vô số” các pháp Quyển, Thật đều gọi là “xe cộ”. Quyển, Thật trí quán gọi là “voi, ngựa, trâu, dê”, chẳng những giáo pháp rất nhiều mà quán trí cũng lại “vô số”. “Xuất nhập” nghĩa là: hai mà không hai, gọi là “nhập”, không hai mà hai, gọi là “xuất”. Lại, không hai mà hai, gọi là “nhập”, hai mà không hai, là “xuất”. Vô lượng trở lại một, gọi là “nhập”, vô lượng trong một, gọi là “xuất”. Dụng hóa tha, gọi là “xuất”, dụng tự hành, gọi là “nhập”. Xuất pháp lợi ích chúng sinh gọi là “tức”, công sức hóa tha quy về mình gọi là “lợi”. “Khấp đến nước khác” tức khấp cả ba cõi, hành nơi phi đạo thông đạt Phật đạo tức là nghĩa ấy vậy. Chỉ có pháp tánh là nước mình mà thôi! “Khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều”: Các Bồ-tát là người buôn bán, lại nhập khắp ba cõi để cầu pháp lợi, cho nên nói “đông nhiều”. Bồ-tát cõi này đến cõi khác nghe pháp, Đại sĩ ở các phương khác đến đây nghe kinh, như buôn bán qua lại kiếm lời. Lại, hai thân Ứng, Hóa như khách bán, đem Thật pháp nhập khắp trong ba cõi, giáo hóa làm lợi ích chúng sinh khiến họ trở về pháp thân, cho nên nói “rất nhiều”, như người ở thế gian khiến người khác mua bán với mình, đôi bên cùng lợi.

Từ “Bấy giờ cùng tử kia dạo đến các làng xóm”, trở xuống, là đoạn ba: thí dụ con trở về gần cha. Đây cũng có hai ý:

1. Cầu cơm áo.
2. Đến thành cha.

Ý thứ nhất: bên trong hợp nghĩa thoái thất Đại thừa đã đầy đủ, gặp các sự khổ sinh tâm rất lo, chán muốn cầu ra khỏi, chấp lý, chẳng đúng dẫn đến thành tà tích. Vì tà tuệ đã trải qua, nên tâm dễ có thể nhập chánh, muốn cầu xuất thế là nguyên do cảm Phật. Quán sát năm ấm làm “làng xóm”, mười hai nhập làm “ấp”, mười tám giới làm “nước”,

trải qua đây để cầu lý gọi là “câu y thực”. Ý thứ hai: “Lần hồi đến thành chỗ cha ở”, đây là chánh hướng đến thành của người cha ở, cảnh khổ làm cơ duyên cảm Đại bi của Phật gọi là “đến thành”. “Thành” tức Niết-bàn, Niết-bàn chung cả Tiểu thừa và Đại thừa. Chúng sinh quen hiểu nghĩa có thể có được Niết-bàn, cho nên nói “đến thành”.

Từ câu: “Người cha hằng nhớ con” trở xuống, là đoạn bốn: dụ lo lắng nhớ đến con; đây cũng có hai ý: Ý thứ nhất: Khổ nhớ mất con, đức Như Lai từ xưa đến nay thường tư duy đến cơ duyên Đại thừa của con, cho nên nói “hằng nhớ”. “Hơn năm mươi năm” là năm đường. Trừ bỏ loài quỷ, vượt xuất loài Tu-la, nên gọi là “hơn”. “Chưa từng hưởng người mà nói việc như thế”: là chưa từng hưởng đến đại thần, trợ tá, tùy phái, dân (thần, tá, lại, dân) trong cõi Phương tiện hữu dư, mà nói có con cơ duyên như thế. Lại, từ khi ứng hiện ở đời về sau, từ xưa qua các thời Hoa Nghiêm, Phương đẳng, Đại Phẩm, ở các pháp hội đó chưa từng hưởng đến các Đại sĩ mà nói rằng: hàng Thanh văn này vốn là con của Đại thừa. Đã không phải con Phật thì không hiểu Phật pháp, hoặc như điếc như câm, hoặc dâng hoa kính lạy Tòa, hoặc bỏ bát mà mở miệng không biết gì, bao nhiêu thứ không theo kịp. “Ôm lòng hối hận”. “Hối” xưa kia không ân cần dạy bảo, để đến nỗi chúng không được dạy mà trốn bỏ đi, “hận” con không nghĩ đến ân nghĩa, xa lạ với cha mà thân cận người khác. Trong hợp với Như Lai “hối” không ân cần khiến nhập nội phạm đến nỗi thoái thất bản giải; “hận” chúng vô tâm không thể tinh tấn cố chí mà bỏ trốn, mê muội không trở lại, cho nên nói “hối hận”. “Tự nghĩ mình đã già yếu”: Kỳ hạn hóa đạo sắp hết mà không có người để truyền trao pháp Đại thừa, như người thế gian già yếu mà không có con.

Hỏi: Đối tượng được Pháp thân giáo hóa là các Bồ-tát đều có khả năng Bồ xứ, thì cần gì phải lo sợ?

Đáp: Đối tượng được Pháp thân giáo hóa, vốn không có hưng phế, sao lại bàn luận về việc già yếu? Đây chẳng phải điều đáng luận bàn.

Nay nêu rõ quyển thuộc Hóa thân có hai thứ:

1. Pháp thân đại sĩ hiện tướng làm chúng ảnh hưởng trong pháp hội kia, tích tụy là đệ tử, nhưng bản thì có khi là thầy, cũng không cần cứ đây tự nghĩ già yếu.

2. Phạm phu ở cõi Đồng cư, bắt đầu theo hóa Phật đến sơ phát đạo tâm, gọi đây là con. Con kế tiếp gia nghiệp của cha, nối dõi giống nòi không dứt. Nếu Thân-tử thọ quyết định làm Hoa Quang Phật, thì hạt giống một phương Phật tiếp nối không dứt, gia nghiệp Đại thừa lần

lượt nối tiếp truyền phó. Nếu Thân-tử không có cơ duyên được hóa, thì tài pháp Đại thừa hiện không có phó chúc, thì chúng sinh đời sau hạt giống Phật nương cậy nơi nào? Vì già yếu nên cất tiếng than, chính là đây vậy!

Ý thứ hai: Từ “Ông lại suy nghĩ: Nếu ta gặp được con” trở xuống, là vui tìm gặp được con vì căn cơ có thể độ gọi là “được con”, được Phật thọ ký gọi là “giao phó pháp tài”, xứng với bản tâm, cho nên nói: “khóai lạc”. Lãnh hội Tổng thí bên trên đã xong.

